

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA

**KHẢ NĂNG TRIỂN KHAI MÔ HÌNH HỌC TẬP
LIÊN VĂN HÓA TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG NHẬT
THƯƠNG MẠI TẠI KHOA NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA
NHẬT BẢN, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ
NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRÀ* - NGUYỄN THỊ HƯƠNG HUẾ****

TÓM TẮT: Bài báo này khảo sát trải nghiệm của 50 sinh viên Việt Nam và 1 sinh viên Nhật Bản khi tham gia mô hình học tập liên văn hóa (共修学習) trong học phần Tiếng Nhật thương mại tại khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Mô hình giúp sinh viên cải thiện năng lực tiếng Nhật, hiểu biết văn hóa và sự tự tin giao tiếp. Đáng chú ý, mô hình tạo cơ hội cho sinh viên chưa có điều kiện du học được tương tác trực tiếp với người bản ngữ ngay tại lớp học, góp phần thúc đẩy quốc tế hóa tại chỗ. Sinh viên Nhật Bản cũng đánh giá cao cơ hội nhìn lại tiếng mẹ đẻ và trải nghiệm môi trường đa văn hóa. Tuy nhiên, cần chuẩn bị nội dung thật chi tiết, cụ thể và thiết kế hoạt động tương tác hai chiều cho cả sinh viên Việt Nam và Nhật Bản nhằm nâng cao hiệu quả mô hình này trong tương lai.

TỪ KHÓA: Học tập liên văn hóa; tiếng Nhật thương mại; giao tiếp liên văn hóa; tương tác hai chiều; quốc tế hóa tại chỗ.

NHẬN BÀI: 08/12/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 15/04/2026

1. Mở đầu

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhu cầu nâng cao năng lực ngoại ngữ và năng lực giao tiếp liên văn hoá của sinh viên Việt Nam trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Việc học ngoại ngữ nói chung và học tiếng Nhật nói riêng không chỉ giới hạn ở khả năng tiếp thu hệ thống ngôn ngữ, mà còn đòi hỏi người học được tham gia các hoạt động giao tiếp thực tế với người bản ngữ. Tuy nhiên, không phải sinh viên nào cũng có điều kiện tham gia các chương trình du học hoặc trao đổi học thuật quốc tế do hạn chế về tài chính, thời gian hoặc hạn chế về số lượng. Để tạo môi trường có thể giao tiếp với người bản xứ cho sinh viên, khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế (dưới đây gọi tắt là HueUJD) đã kết hợp các hình thức học tập hợp tác, trong đó chú trọng đến hình thức học tập được các nhà nghiên cứu ở Nhật Bản sử dụng khá nhiều đó là 共修学習 (Kyoshugakushu; tạm dịch là: cùng hợp tác học tập hoặc là học tập trong môi trường liên văn hóa hay học tập liên văn hóa).

Những năm gần đây, một số sinh viên Nhật Bản đến Việt Nam theo các chương trình trao đổi du học, giao lưu ngắn hạn, thực tập hay du học tại Việt Nam có xu hướng tăng lên. Năm bắt cơ hội đó HueUJD đã lên kế hoạch thử nghiệm mô hình học tập liên văn hóa cho sinh viên ở học phần tiếng Nhật thương mại và giao thoa văn hóa, nhưng giới hạn trong bài viết lần này chỉ đề cập đến học phần tiếng Nhật thương mại.

Việc triển khai mô hình học tập này ngay tại HueUJD bước đầu được sinh viên đánh giá khá tích cực, mang lại lợi ích lớn cho sinh viên, giúp sinh viên tiếp cận môi trường giao tiếp liên văn hoá ngay trong chính ngôi trường của mình trong khi chưa có điều kiện để đi du học hay trải nghiệm tại Nhật Bản. Bên cạnh đó sinh viên Nhật Bản cũng có cơ hội học tập trải nghiệm, tìm hiểu ngôn ngữ, văn hóa của Việt Nam với các bạn sinh viên Việt Nam. Mô hình này được xem là cách tiếp cận hiệu quả để phát triển đồng thời năng lực ngôn ngữ, năng lực giao tiếp liên văn hoá, tư duy phản biện và khả năng hợp tác trong nhóm đa văn hoá.

Bài viết này phân tích tiềm năng, thực trạng và những gợi ý triển khai mô hình này để mở ra mô hình học tập liên văn hóa, tạo cơ hội cho sinh viên cùng nhau học tập cả khía cạnh ngôn ngữ, văn hóa

*TS; Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế; Email: nthtra@hueuni.edu.vn

**TS; Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế; Email: nthhue@hueuni.edu.vn

và các kĩ năng giao tiếp khác trong cuộc sống mà chỉ khi tiếp xúc với người bản xứ mới có thể cảm nhận được.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

Khái niệm về học tập tích cực, hoạt động hợp tác... có rất nhiều nghiên cứu đã đề cập, nhưng khái niệm học tập liên văn hóa hay cùng nhau học tập, hay học tập quốc tế... vẫn còn rất ít nghiên cứu tại Việt Nam. Dựa vào đặc điểm và tính chất của hoạt động của nghiên cứu, bài viết lựa chọn sử dụng khái niệm Học tập liên văn hóa cho nghiên cứu này.

2.1. Cơ sở lý thuyết chung

Trong bài viết này, khái niệm “học tập liên văn hóa” được tiếp cận trên cơ sở lý thuyết năng lực giao tiếp liên văn hóa của Byram (1997) và các nghiên cứu về giáo dục liên văn hóa trong giảng dạy ngoại ngữ. Theo đó, học tập liên văn hóa không chỉ hiểu đơn thuần là sự hiện diện của người học đến từ các nền văn hóa khác nhau, mà là quá trình người học tham gia vào giờ học cùng với các sinh viên khác trong lớp học, thông qua giờ học người học có thể nhận xét, diễn giải, điều chỉnh về thái độ học tập, và có thể có nhận thức khác hơn về bản thân và người khác trong bối cảnh học tập liên văn hóa.

Trên cơ sở đó, “dạy học ngoại ngữ theo mô hình liên văn hóa” trong bài viết này được hiểu là hình thức tổ chức dạy học trong đó người học ngoại ngữ được đặt vào môi trường tương tác trực tiếp với người thuộc nền văn hóa khác, cụ thể ở đây là Nhật Bản, thông qua các hoạt động hợp tác, đối thoại và chia sẻ kinh nghiệm, nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực giao tiếp liên văn hóa.

Như vậy, mô hình 共修学習 được triển khai lần này không chỉ là một hình thức học tập hợp tác, mà được sử dụng trong môi trường học tập liên văn hóa, nơi sinh viên Việt Nam và sinh viên Nhật Bản cùng tham gia học hỏi lẫn nhau để khám phá tri thức, đồng thời phát triển khả năng giao tiếp, so sánh và thích nghi với sự khác biệt văn hóa trong quá trình học tập.

Từ góc độ lý thuyết, mô hình học tập liên văn hóa có thể thấy là dựa trên ba nền tảng quan trọng trong giáo dục hiện đại. Trước hết, đó là lý thuyết kiến tạo xã hội của Vygotsky (1978), cho rằng tri thức của người học được hình thành thông qua tương tác xã hội có ý nghĩa; trong môi trường lớp học đa văn hoá, sự khác biệt về ngôn ngữ, trải nghiệm và hệ quy chiếu văn hoá giúp mở rộng “vùng phát triển gần nhất” (ZPD) của mỗi người học, thúc đẩy sự phát triển cả về tư duy lẫn năng lực ngôn ngữ. Trong bối cảnh học tập liên văn hóa, khác biệt ngôn ngữ và văn hóa giữa sinh viên Việt Nam và Nhật Bản chính là động cơ làm tăng cường tương tác, yêu cầu người học phải trao đổi, diễn giải và điều chỉnh diễn ngôn. Điều này góp phần thúc đẩy sự phát triển ngôn ngữ và tư duy phản biện.

Tiếp đến là lý thuyết năng lực giao tiếp liên văn hoá của Byram (1997) nhấn mạnh rằng người học chỉ có thể phát triển các thành tố cốt lõi của năng lực liên văn hoá, bao gồm thái độ cởi mở, tri thức văn hoá, kĩ năng diễn giải so sánh và khả năng ứng xử với văn hoá khác khi được tham gia vào các tương tác thực tế với người đến từ nền văn hoá khác. Đây cũng chính là bản chất của các hoạt động trong lớp học liên văn hóa, nơi sinh viên Việt Nam và Nhật Bản cùng trao đổi, chia sẻ và trải nghiệm văn hoá cùng nhau. Khi sinh viên Việt Nam và Nhật Bản cùng chia sẻ quan điểm, kinh nghiệm và cách diễn đạt, họ không chỉ mở rộng tri thức văn hóa mà còn học cách nhìn lại hệ giá trị của mình. Đây là điểm cốt lõi để lý giải những thay đổi thái độ và nhận thức của sinh viên trong nghiên cứu này.

Bên cạnh đó, lý thuyết học tập hợp tác (Collaborative Learning) của Johnson & Johnson (1999) và Dillenbourg (1999) khẳng định rằng, việc học đạt hiệu quả cao nhất khi người học cùng tham gia các nhiệm vụ chung, có trách nhiệm tương hỗ và cùng kiến tạo tri thức thông qua đàm thoại và giải quyết vấn đề. Ba nền tảng lý thuyết nêu trên cho thấy học tập liên văn hóa là một mô hình học tập tích hợp giữa học ngoại ngữ, tương tác liên văn hoá và hợp tác kiến tạo tri thức, trong đó sinh viên từ hai nền văn hoá Việt Nam và Nhật Bản cùng học hỏi trên cơ sở bình đẳng. Mô hình này không chỉ hỗ trợ phát triển năng lực ngôn ngữ mà còn góp phần hình thành tư duy đa văn hoá, khả năng hợp tác và thái độ học tập chủ động, phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hoá và giao lưu giữa hai nước Việt Nam và Nhật Bản ngày càng sâu rộng.

2.2. Nghiên cứu trong nước

Tại Việt Nam, các nghiên cứu rất ít sử dụng thuật ngữ Học tập liên văn hóa. Tuy nhiên, các nghiên cứu liên quan có thể kể đến các công trình có nội dung gần với mô hình này, tập trung vào học tập hợp tác, giao lưu liên văn hoá hoặc mô hình COIL (Học tập Trực tuyến Hợp tác Quốc tế: Collaborative Online International Learning).

Nghiên cứu của Đỗ Lê Hà (2021) về lớp học đa quốc gia tại Đại học Thái Nguyên cho thấy lớp học đa quốc gia tạo môi trường giúp sinh viên mở rộng sự hiểu biết và phát triển kỹ năng liên văn hoá, tạo cho sinh viên Việt Nam có nhiều cơ hội giao tiếp hơn, qua đó có thể góp phần nâng cao sự tự tin và mức độ chủ động trong tương tác của sinh viên Việt Nam và sinh viên quốc tế khi tham gia cùng một học phần. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra những thách thức về rào cản ngôn ngữ, sự khác biệt trong cách học và mức độ tham gia không đồng đều trong giờ học cho thấy nhu cầu cần có những mô hình tổ chức lớp học chú trọng tính đối thoại và sự bình đẳng trong tương tác.

Nghiên cứu của Nguyễn Thị Bích Ngọc và cộng sự (2024), tập trung vào sự phát triển năng lực giao tiếp liên văn hoá của sinh viên trong quá trình học ngoại ngữ. Kết quả cho thấy môi trường học tập có tính tương tác cao, đặc biệt là khi sinh viên thường xuyên được trao đổi trực tiếp với người học thuộc nền văn hoá khác, có tác động mạnh mẽ đến việc hình thành thái độ cởi mở, khả năng diễn giải, thương lượng, cũng như năng lực tư duy văn hoá. Tác giả đề xuất tăng cường các hình thức học tập hợp tác và các hoạt động trải nghiệm đa văn hoá, xem đây là tiền đề quan trọng để xây dựng các mô hình tương tự như học tập liên văn hoá. Vũ Thị Ngọc Minh (2025) nghiên cứu về giáo dục đa văn hoá trong giáo dục mầm non, tuy tập trung vào đối tượng mầm non, nhưng nghiên cứu chỉ ra cách thức tích hợp đa văn hoá vào hoạt động giáo dục. Tác giả cho rằng, giáo dục đa văn hoá cần được thiết kế như một quá trình xuyên suốt, bao gồm hiểu biết về sự khác biệt, tôn trọng bản sắc, phát triển kỹ năng hợp tác và giảm thiểu định kiến. Những luận điểm này cho thấy môi trường giao tiếp đa văn hoá dù ở cấp học nào đều có khả năng thúc đẩy sự hình thành năng lực liên văn hoá và kỹ năng xã hội, những yếu tố trùng hợp với mục tiêu của mô hình học tập liên văn hoá.

2.3. Nghiên cứu tại Nhật

Từ những năm 1990 ở Nhật Bản đã có các nghiên cứu đề cập đến môi trường học tập đa quốc gia. Cụ thể theo Ebuchi (1997), trong bối cảnh toàn cầu hóa, các trường đại học cần chủ động tạo môi trường học tập thích ứng với sự gia tăng của sinh viên quốc tế và cần xây dựng môi trường học tập phù hợp cho cả sinh viên trong nước và quốc tế để sinh viên các nước có thể phát huy được hiệu quả cao nhất.

Tại Nhật có các nghiên cứu như “国際共修 Học tập quốc tế”, “多文化間共修 Học tập trong môi trường đa văn hoá”. Suematsu (2019) định nghĩa “Học tập quốc tế là một trải nghiệm học tập trong đó sinh viên đến từ các ngôn ngữ và văn hoá khác nhau cùng chia sẻ, thấu hiểu và tiếp nhận những cách tư duy đa dạng thông qua các giao lưu có ý nghĩa để trải nghiệm học tập, đồng thời nhìn nhận đánh giá lại bản thân và tái tạo giá trị quan mới”. Chương trình Giáo dục Liên văn hoá của Đại học Tohoku cũng mô tả học tập quốc tế như một chuỗi quá trình hợp tác, nơi sinh viên đa văn hoá cùng tham gia hoạt động nhóm để mở rộng hiểu biết và nhìn lại chính mình.

Ikeda và Oshima (2019) khi triển khai học tập theo tình huống ケース学習 (case-based learning) trong lớp học hợp tác cho rằng, việc đặt sinh viên vào môi trường đa văn hoá buộc họ phải so sánh, thương lượng và điều chỉnh diễn ngôn, từ đó hình thành năng lực diễn giải và tư duy đa chiều. Điều này đặc biệt quan trọng trong các lớp học tiếng Nhật thương mại, nơi cần phải có bối cảnh giao tiếp thực tiễn và sự khác biệt văn hoá ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình học. Nghiên cứu gần đây của Takamatsu (2023) về lớp học quốc tế theo hình thức hybrid cho thấy, hiệu quả của học tập liên văn hoá phụ thuộc nhiều vào việc sinh viên có cơ hội tương tác trên nền tảng bình đẳng hay không. Khi có sự chênh lệch về năng lực ngôn ngữ hoặc kinh nghiệm giao tiếp đa văn hoá, sinh viên dễ rơi vào trạng thái thụ động, ngại tham gia. Vì vậy, giảng viên cần thiết kế hoạt động một cách có chủ đích, chẳng hạn như tạo không gian an toàn, phân chia nhiệm vụ rõ ràng hoặc chia nhỏ nhóm để bảo đảm mọi sinh viên đều có thể đóng góp ý kiến. Những kết quả này cho thấy, học tập liên văn hoá là mô

hình giàu tiềm năng, nhưng chỉ phát huy hiệu quả khi được tổ chức với cấu trúc và điều kiện hỗ trợ phù hợp nhằm tăng cường sự tham gia và hiểu biết liên văn hoá của người học.

Các kết quả nghiên cứu trên chỉ ra một xu hướng chung đó là tính tương tác đa văn hoá khi được tổ chức dựa trên nguyên tắc bình đẳng, hợp tác và đối thoại, có thể tạo ra sự thay đổi tích cực cả về cải thiện năng lực ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp và tư duy văn hoá của người học. Vì vậy, dù Việt Nam chưa có nhiều nghiên cứu trực tiếp về học tập liên văn hoá, các công trình liên quan đến lớp học đa quốc gia, năng lực giao tiếp liên văn hoá và giáo dục đa văn hoá đã cung cấp cơ sở thực nghiệm và lý luận quan trọng, khẳng định mô hình học tập cùng hợp tác hay học tập liên văn hoá giữa sinh viên Việt Nam và Nhật Bản hoàn toàn phù hợp với bối cảnh giáo dục đại học hiện nay, đồng thời có khả năng đóng góp vào quá trình quốc tế hoá ngay tại nơi học tập, hay quốc tế hóa tại chỗ.

Tóm lại, “Học tập liên văn hoá” được hiểu là hình thức học tập trong đó sinh viên Việt Nam và sinh viên Nhật Bản học hỏi lẫn nhau trên cơ sở bình đẳng, sinh viên hai nước cùng nhau học tập để không chỉ tăng cường năng lực ngôn ngữ mà còn thúc đẩy hiểu biết văn hoá Việt Nam và Nhật Bản, nâng cao năng lực hợp tác và hình thành năng lực điều chỉnh thích nghi với môi trường liên văn hoá ngay tại chính ngôi trường mình đang học tập.

3. Mục tiêu nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm làm rõ khả năng ứng dụng mô hình học tập liên văn hoá (共修学習) trong lớp học tiếng Nhật tại HueUJD thông qua khảo sát một hoạt động học tập có sự tham gia của sinh viên Việt Nam và sinh viên Nhật Bản. Trên cơ sở phân tích trải nghiệm học tập, sự thay đổi trong việc học tiếng Nhật và những thay đổi trong khi tham gia học trong môi trường liên văn hoá.

Để thực hiện mục tiêu trên, nghiên cứu xác định các câu hỏi nghiên cứu sau: 1/Sinh viên Việt Nam có những thuận lợi và khó khăn gì khi tham gia học tập liên văn hoá?; 2/Sinh viên Nhật Bản có cảm nhận như thế nào khi tham gia học tập liên văn hoá?; 3/Sinh viên Việt Nam và Nhật Bản có mong muốn gì để tạo môi trường học tập liên văn hoá tốt hơn?

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp kết hợp phương pháp định tính, định lượng. Nghiên cứu tiến hành khảo sát lớp học phần tiếng Nhật thương mại gồm 50 sinh viên Việt Nam HueUJD và 1 sinh viên Nhật Bản. Phiếu khảo sát được chia làm 2 giai đoạn trước khi bắt đầu môn học và sau khi kết thúc môn học, nhằm xác định sự thay đổi về nhận thức, đánh giá những thuận lợi, khó khăn và mong muốn cải thiện mô hình học liên văn hoá của sinh viên Việt Nam, và khảo sát những đánh giá, suy nghĩ và ý kiến đề xuất để cải thiện mô hình học liên văn hoá của sinh viên Nhật Bản. Trong giới hạn bài viết lần này, nghiên cứu chỉ chú trọng phân tích kết quả khảo sát sau môn học về những thuận lợi, khó khăn khi tham gia mô hình học tập liên văn hoá. Ngoài ra, nghiên cứu còn chỉ ra những mong muốn của sinh viên để cải thiện tốt hơn cho môi trường học tập này.

Sinh viên Nhật Bản chỉ có 1 sinh viên, nên còn rất nhiều hạn chế về mức độ tương tác và kết quả khảo sát chưa đại diện cho số đông. Tuy nhiên nghiên cứu khảo sát trường hợp cụ thể nên bước đầu cũng có thể thấy được khả năng ứng dụng học tập liên văn hoá vào giảng dạy tiếng Nhật tại HueUJD.

4. Kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung phân tích dữ liệu thu thập sau môn học, bao gồm đánh giá mức độ hài lòng, mức độ phát triển năng lực, những thuận lợi, khó khăn và các đề xuất cải tiến từ phía sinh viên Việt Nam và sinh viên Nhật Bản.

4.1. Đối với sinh viên Việt Nam

Với câu hỏi về mức độ hài lòng của sinh viên Việt Nam đối với mô hình học tập liên văn hoá, kết quả khảo sát cho thấy thái độ tiếp nhận tích cực đối với hoạt động học tập liên văn hoá. Cụ thể, có 42 sinh viên chiếm tỷ lệ 84% hài lòng và rất hài lòng, và không có sinh viên nào chọn mức không hài lòng. Điều này cho thấy mô hình học tập liên văn hoá không gây áp lực cho sinh viên mà còn tạo ra

động lực trong lớp tiếng Nhật thương mại. Mức độ hài lòng cao có thể thấy tính chân thực của môi trường học tập.

Hoạt động trao đổi với sinh viên Nhật Bản tạo ra những tình huống giao tiếp thực tế so với hạn chế của lớp học truyền thống nơi sinh viên ít có cơ hội sử dụng tiếng Nhật trong bối cảnh đời sống. Ngoài ra, có thể môi trường học tập liên văn hóa là một môi trường mới mẻ và có giá trị trải nghiệm. Phần lớn sinh viên Việt Nam chưa hoặc ít có cơ hội giao tiếp với người Nhật Bản, vì vậy, sinh viên đánh giá mô hình này như một trải nghiệm mới và có ích, giúp sinh viên tăng hứng thú học tập. Như vậy, mức độ hài lòng cao khẳng định tính khả thi và sức hấp dẫn của mô hình học tập liên văn hóa, phù hợp định hướng quốc tế hóa tại chỗ trong giáo dục ngoại ngữ.

Về câu hỏi thông qua học tập liên văn hóa các bạn học được gì, như trong bảng 1, có rất nhiều câu trả lời được lựa chọn, trong đó học được từ vựng, ngữ pháp được nhiều sinh viên chọn nhất, sau đó là hiểu biết về văn hóa, kỹ năng thuyết trình, cách ứng xử của người Nhật Bản, cách giao tiếp, năng lực làm việc nhóm...

Bảng 1. Nội dung sinh viên học được trong học tập liên văn hóa

Nội dung	Số sinh viên
Từ vựng, ngữ pháp tiếng Nhật	46
Giao tiếp với người Nhật	37
Hiểu biết về văn hóa, cách ứng xử của người Nhật	45
Kỹ năng làm việc nhóm với người Nhật	12
Kỹ năng viết email, báo cáo	23
Kỹ năng thuyết trình	42
Hiểu biết liên văn hóa, thái độ tôn trọng	32
Khả năng giao tiếp liên văn hóa	29
Năng lực làm việc nhóm...	36

Với kết quả thu được, có thể thấy rằng, thông qua học tập liên văn hóa sinh viên có thể học được ngôn ngữ từ sinh viên Nhật Bản, tăng khả năng phát triển năng lực ngôn ngữ. Phần lớn sinh viên đều cảm nhận khả năng sử dụng tiếng Nhật được cải thiện. Điều này phù hợp với lý thuyết kiến tạo xã hội (Vygotsky) vì sinh viên phải thảo luận, đàm phán, tìm cách diễn đạt trong tương tác thật, mở rộng vùng phát triển gần nhất. Không những vậy, sinh viên còn có thể phát triển năng lực giao tiếp, khả năng ứng xử trong môi trường liên văn hóa, khả năng làm việc nhóm với người có nền văn hóa khác... Tuy nhiên, chỉ có 1 sinh viên Nhật Bản nên còn nhiều hạn chế về tương tác với nhiều sinh viên trong lớp, khó tổ chức nhóm đa văn hóa cho tất cả sinh viên,...

Kết quả nhận được khi hỏi sinh viên về Thuận lợi trong quá trình học tập liên văn hóa khá tích cực. Phân tích câu trả lời mở của 50 sinh viên có thể chia làm ba nhóm chính. Thứ nhất đó là cơ hội cải thiện tiếng Nhật thông qua giao tiếp thật. Sinh viên đánh giá cao việc được giao tiếp trực tiếp với sinh viên Nhật, giúp phát âm tốt hơn, hiểu cách dùng từ tự nhiên của giới trẻ Nhật, tăng sự tự tin. Như lời một sinh viên chia sẻ: *“Vừa được nâng cao khả năng hội thoại vừa có thêm bạn mới, học hỏi được tư duy cách làm việc của người Nhật.”*

Về học hỏi văn hóa và tư duy làm việc của người Nhật, nhiều sinh viên ấn tượng với tinh thần trách nhiệm, tính đúng giờ, sự tỉ mỉ, thái độ giao tiếp lịch sự của sinh viên Nhật. Điều này cho thấy ảnh hưởng tích cực của người có văn hóa khác đến sinh viên Việt Nam. Thứ ba là sự kiên nhẫn, tinh thần hỗ trợ lẫn nhau. Một số sinh viên nhận xét sinh viên Nhật Bản “giải thích lại rất kiên nhẫn”, cho thấy sự hợp tác tích cực, phù hợp lý thuyết học tập hợp tác (Johnson & Johnson).

Về câu hỏi khó khăn của sinh viên Việt Nam khi tham gia học tập liên văn hóa, có nhiều ý kiến cho rằng đó là rào cản ngôn ngữ như tốc độ nói của sinh viên Nhật Bản nhanh, dùng nhiều từ khó... nên nhiều khi ngại nói chuyện. Khó khăn về khác biệt văn hóa như sinh viên Nhật Bản ít chủ động bắt chuyện, kín đáo nên cảm thấy khó tiếp cận. Ngoài ra, còn có lý do nữa là thiếu cơ hội tương tác vì chỉ có 01 người bản ngữ. Có 18 sinh viên cho rằng họ hầu như không có cơ hội tiếp xúc. Vấn

đề là do quá chênh lệch về số lượng người Việt Nam và Nhật Bản nên không thể có cơ hội cho toàn bộ sinh viên. Điều này cũng trùng khớp với phản hồi của sinh viên Nhật, sẽ được phân tích ở phần tiếp theo.

4.2. Đối với sinh viên Nhật Bản

Khác với nhóm sinh viên Việt Nam có 50 sinh viên, chỉ có 1 sinh viên Nhật Bản, người tham gia lớp học với tư cách là sinh viên trao đổi. Vì có sự chênh lệch lớn nên nghiên cứu chú trọng đến dữ liệu định tính để phân tích nhằm ghi nhận cảm nhận mang tính kinh nghiệm cá nhân trong học tập liên văn hóa với sinh viên Việt Nam. Phân tích dưới đây tập trung làm rõ những điểm giống và khác biệt so với kết quả của sinh viên Việt Nam.

Khi đánh giá chung về học phần tiếng Nhật thương mại, sinh viên Nhật cho rằng học phần tiếng Nhật thương mại mang lại cơ hội quý giá để học hỏi cách sử dụng ngôn ngữ, những kiến thức cần thiết trước khi đi làm hoặc đi thực tập,... Ý kiến này giống với phản hồi từ sinh viên Việt Nam rằng, học phần giúp mở rộng vốn từ, tăng năng lực giao tiếp và nâng cao hiểu biết về bối cảnh làm việc tại công ty Nhật Bản. Tuy nhiên, có những điểm khác biệt đó là sinh viên Việt Nam nhấn mạnh lợi ích khi có cơ hội tiếp xúc người bản ngữ, còn sinh viên Nhật Bản lại nhìn thấy cơ hội nhìn lại tiếng mẹ đẻ của mình qua lăng kính của người học ngoại ngữ. Đây là một điểm khác biệt so với các nghiên cứu trong nước, đó là mô hình học tập liên văn hóa không chỉ giúp sinh viên Việt Nam tiến bộ, mà còn giúp người bản ngữ có cơ hội tái nhận thức ngôn ngữ và văn hóa của chính họ.

Về câu hỏi cảm nhận như thế nào về hoạt động học tập liên văn hóa, sinh viên Nhật đánh giá mô hình này là một trải nghiệm quý giá, vì các trường đại học ở Nhật không thường tổ chức lớp học có sự tham gia trực tiếp của sinh viên quốc tế theo mô hình hợp tác bình đẳng như thế này. Đây là chia sẻ có ý nghĩa cho việc nên đưa yếu tố liên văn hóa vào lớp học là cần thiết và phù hợp xu thế quốc tế hóa tại chỗ.

Bảng 2. Khác biệt giữa sinh viên Việt Nam và Nhật Bản

Nội dung	Sinh viên Việt Nam	Sinh viên Nhật Bản
Giá trị học được	Tăng năng lực tiếng Nhật, tự tin giao tiếp, hiểu văn hóa Nhật, học tính kỷ luật	Nhận ra điểm khó của tiếng mẹ đẻ qua góc nhìn người học
Khó khăn	Rào cản ngôn ngữ, khác biệt văn hóa, ít có cơ hội tiếp xúc	Một mình trong lớp học nên khó chủ động giao tiếp
Mong muốn cải thiện	Tăng cơ hội giao lưu, tạo không gian thoải mái, tạo cặp hay nhóm hỗ trợ nhau	Chia nhóm nhỏ hơn, có thông tin trước để chuẩn bị...

Trải nghiệm trong học tập liên văn hóa tuy vẫn còn có những khó khăn cần phải khắc phục và điều chỉnh nhưng bước đầu đã ghi nhận được những mặt tích cực, có ý nghĩa trong điều kiện chưa có cơ hội tiếp xúc nhiều với người bản xứ.

Khi hỏi sinh viên Nhật Bản về khó khăn khi tham gia học tập liên văn hóa, sinh viên này chia sẻ vì trong lớp chỉ có một mình là người Nhật trong lớp học đông nên nhiều khi rơi vào tình thế bị động, muốn chia sẻ nhiều hơn về sự khác biệt giữa tiếng Nhật trong đời thường và tiếng Nhật trong sách giáo khoa, nhưng không có nhiều cơ hội...

Từ kết quả trên có thể thấy sự khác biệt về cách nhìn nhận khó khăn khi tham gia học tập liên văn hóa. Với sinh viên Việt Nam đó là rào cản ngôn ngữ do bản thân nên không hiểu kịp, không dám nói chuyện... Với sinh viên Nhật Bản lại nhìn thấy rào cản là số lượng trong một lớp quá đông, cảm thấy chỉ có một mình trong môi trường xa lạ nên có cảm giác e ngại, không dám bắt chuyện hay trao đổi ý kiến thẳng thắn... Đây chính là thách thức của mô hình này, không chỉ là năng lực ngôn ngữ của người học mà cần phải thiết kế hoạt động lớp học sao cho có sự tham gia của người bản xứ vào mỗi nhóm khi số lượng sinh viên giữa hai bên quá chênh lệch.

Khi hỏi về những điều học được từ học tập liên văn hóa, sinh viên Nhật nhấn mạnh hai khía cạnh đó là hiểu rõ hơn về tiếng Nhật khi nghe sinh viên Việt Nam trình bày và đặt câu hỏi mà người bản ngữ không nhận ra. Khía cạnh thứ hai là nhận thức lại tính chuẩn mực của tiếng Nhật đang dùng và

tiếng Nhật theo chuẩn mực sách giáo khoa. Ngoài ra, người học đánh giá cao sự nghiêm túc, tỉ mỉ và kỹ năng công nghệ của sinh viên Việt Nam khi sử dụng PPT, video... để trình bày. Sinh viên Việt Nam rất thân thiện nhưng không chủ động, cũng có phần dè dặt không như những gì được nghe trước đó, rằng sinh viên Việt Nam rất chủ động. Chính những sự khác biệt này, phản ánh sự khác nhau giữa hai nền văn hóa, và giúp lý giải tại sao mô hình học tập liên văn hóa tạo ra thay đổi tích cực trong nhận thức của cả hai phía.

4.3. Đối với ý kiến đề xuất cải thiện cho mô hình học tập liên văn hóa

Sinh viên Việt Nam đề xuất có thêm hoạt động giao lưu, nhóm bạn đồng hành cùng nhau hỗ trợ, chia nhóm nhỏ, cho thêm hoạt động ngoại khóa... Sinh viên Nhật đề xuất cần được cung cấp nội dung bài học trước để chuẩn bị, chia nhóm nhỏ để tăng cơ hội giao tiếp, cùng nhau chia sẻ kiến thức tạo nên chất lượng cao trong học tập, tạo thêm cơ hội giao tiếp để có thể học được cả tiếng Nhật, tiếng Việt và cả văn hóa của cả hai đất nước.

Học tập liên văn hóa phải thể hiện được học tập hai chiều, không chỉ tập trung vào sinh viên Việt Nam mà cần mở rộng không gian cho sinh viên Nhật Bản được học cả tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cũng như các kiến thức khác về Việt Nam.

Mô hình này không chỉ mang lại lợi ích cho sinh viên Việt Nam mà còn giúp sinh viên Nhật Bản tái nhận thức tiếng mẹ đẻ, trải nghiệm môi trường giáo dục đa văn hóa mà họ ít gặp tại Nhật, qua đó thấy được sự cần thiết của tính hai chiều trong học tập liên văn hóa.

5. Kết luận và đề xuất

5.1. Kết luận

Nghiên cứu đã tập trung làm rõ khả năng triển khai mô hình học tập liên văn hóa (共修学習) trong học phần tiếng Nhật thương mại tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Dựa trên phân tích dữ liệu từ 50 sinh viên Việt Nam và 1 sinh viên Nhật Bản, nghiên cứu cho thấy mô hình học tập liên văn hóa mang lại nhiều giá trị thiết thực cho cả hai phía người học.

Đối với sinh viên Việt Nam, mô hình giúp cải thiện rõ rệt năng lực tiếng Nhật (từ vựng, ngữ pháp, giao tiếp), khả năng trình bày, hiểu thêm về văn hóa và tác phong làm việc của người Nhật. Một lợi ích nổi bật là sinh viên có cơ hội tiếp xúc với ngôn ngữ tự nhiên, đời sống và tư duy của người bản xứ ngay trong môi trường đại học, điều vốn khó thực hiện được khi chưa có cơ hội du học. Tuy nhiên, những hạn chế như rào cản ngôn ngữ, sự e ngại khi tương tác, và số lượng sinh viên Nhật quá ít nên nhiều sinh viên vẫn chưa có cơ hội giao tiếp với sinh viên Nhật Bản dẫn đến mức độ tham gia của sinh viên Việt Nam chưa đồng đều.

Đối với sinh viên Nhật Bản, mô hình không chỉ tạo điều kiện chia sẻ văn hóa và hỗ trợ sinh viên Việt Nam, mà còn giúp họ tái nhận thức tiếng mẹ đẻ thông qua các thắc mắc của sinh viên Việt Nam. Sinh viên Nhật Bản đánh giá đây là trải nghiệm hiếm có trong môi trường giáo dục đại học tại Nhật Bản. Tuy vậy, sinh viên Nhật cũng gặp khó khăn khi là người bản ngữ duy nhất, thiếu thời gian chuẩn bị và không đủ thời gian để giao tiếp với tất cả các bạn trong lớp.

Kết quả phân tích khẳng định mô hình học tập liên văn hóa phù hợp với định hướng quốc tế hóa tại chỗ trong giáo dục đại học Việt Nam. Đồng thời, nghiên cứu cho thấy hiệu quả của mô hình phụ thuộc vào thiết kế hoạt động, phân nhóm hợp lý và mức độ chuẩn bị trước của cả giảng viên và sinh viên.

Nghiên cứu đã thấy được mô hình học tập liên văn hóa đã vận dụng lý thuyết kiến tạo xã hội, năng lực giao tiếp liên văn hóa và học tập hợp tác trong lớp học có sự tham gia của sinh viên bản ngữ. Nghiên cứu chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động liên văn hóa đó là mức độ chênh lệch về số người tham gia, quy mô nhóm, rào cản ngôn ngữ, phong cách giao tiếp khác biệt, vai trò hướng dẫn của giảng viên và nhu cầu được chuẩn bị nội dung trước của sinh viên Nhật. Những phát hiện này giúp giảng viên cần phải suy nghĩ để cải thiện thiết kế bài giảng và tối ưu hóa tương tác đa văn hóa trong lớp học tiếng Nhật thương mại.

Nghiên cứu bước đầu đã cho thấy khả năng triển khai của mô hình học tập liên văn hóa ngay cả khi số lượng sinh viên trao đổi còn rất ít. Tuy nhiên, mô hình đòi hỏi sự đầu tư và thiết kế chương trình học phù hợp hơn thì dù có chênh lệch về số lượng thì vẫn có thể tạo ra môi trường quốc tế hóa để cho sinh viên có thể trải nghiệm ngay tại chính ngôi trường của mình mà không cần phải ra nước ngoài khi chưa có cơ hội hay điều kiện.

5.3. Đề xuất

Với những kết quả thu được, nghiên cứu đề xuất một số định hướng nhằm nâng cao hiệu quả triển khai mô hình trong tương lai. Thứ nhất là cần chuẩn bị trước khi triển khai mô hình kỹ lưỡng, như cung cấp trước nội dung bài học, chủ đề thảo luận để sinh viên Nhật Bản có thể chuẩn bị và tham gia chủ động hơn. Tổ chức buổi giới thiệu định hướng giúp sinh viên Việt Nam và Nhật Bản hiểu rõ vai trò, kỳ vọng và cách thức tương tác trong mô hình học tập liên văn hóa. Thứ hai là nên thiết lập nhóm bạn đồng hành hỗ trợ để giúp sinh viên Nhật Bản làm quen với môi trường sinh hoạt và không cảm thấy cô đơn một mình trong lớp học và tự tin hơn khi trao đổi giúp đỡ sinh viên Việt Nam trong học tập. Thứ ba là tổ chức lớp học theo nhóm nhỏ và phân chia luân phiên các lượt do sinh viên nào phụ trách để sinh viên nào cũng có cơ hội trao đổi với sinh viên Nhật Bản. Thứ tư là tăng cường hoạt động giao lưu ngoài lớp học để thúc đẩy sự gắn kết và mở rộng không gian học tập liên văn hóa phạm vi ngoài giờ học. Và cuối cùng là mở rộng cơ hội học tập hai chiều, thiết kế hoạt động để sinh viên Nhật Bản có cơ hội học tiếng Việt và văn hóa Việt Nam nhằm giúp cân bằng vai trò và thúc đẩy trao đổi hai chiều, đúng bản chất của học tập liên văn hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Vũ Thị Ngọc Minh (2025), “Tổng quan nghiên cứu về giáo dục đa văn hoá trong giáo dục mầm non”. Tạp chí *Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 21(01), tr.106-112.

Tiếng nước ngoài

2. Do Le Ha (2021), *Multinational classroom as the current trend in higher education internationalization at Thai Nguyen University*. TNU Journal of Science and Technology, 226(09), tr.174-179.
3. Nguyen Thi Bích Ngọc, Doan Thi Minh Tam, & Tran Minh Thanh (2024), *Intercultural training and EFL students' intercultural communicative competence in a higher education context of Vietnam*. TNU Journal of Science and Technology, 229(03), tr.185-192.
4. Byram, M. (1997), *Teaching and assessing intercultural communicative competence*. Multilingual Matters.
5. Johnson, D. W., & Johnson, R. T. (1999), *Learning together and alone: Cooperative, competitive, and individualistic learning*. Allyn & Bacon.
6. Dillenbourg, P. (1999), What do you mean by ‘collaborative learning’? In P. Dillenbourg (Ed.), *Collaborative learning: Cognitive and computational approaches* (pp.1-19).
7. Elsevier. Vygotsky, L. S. (1978), *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Harvard University Press.
8. 池田玲子・大島いずみ(Ikeda Reiko & Oshima Izumi) (2019), 共修クラスでのケース学習の試み: ピア・ラーニング授業への緩やかな導入のデザイン. 日本語教育論集, 45, 55-68.
9. 江淵一公 (Ebuchi Kazumasa) (1997), 大学国際化の研究. 玉川大学出版部.
10. 末松和子 (Suematsu Kazuko) (2019), 国際共修の理念と課題: 国際共修型授業の実践を通して. 国際教育交流論集, 3, 15-27.

11. 高松美能 (Takamatsu Minayo) (2023), オンラインと対面のハイブリッドで実践した国際共修授業の事例分析: 対等な関係性を構築するために. 『日本語教育論集』, 44, 23-38.
12. 東北大学インターカルチュラル教育プログラム『国際共修とは』
<https://intercul.ihe.tohoku.ac.jp/about/>.

**Feasibility of implementing an intercultural collaborative learning model
in business Japanese course at the Department of Japanese Language and Culture,
University of Foreign Languages, Hue University**

Abstract: This article examines the experiences of 50 Vietnamese students and one Japanese student participating in an intercultural collaborative learning model (共修学習) in a Business Japanese course at the Department of Japanese Language and Culture, University of Foreign Languages, Hue University. The model was found to enhance students' Japanese proficiency, cultural understanding, and confidence in communication. Notably, it provided opportunities for students without the means to study abroad to interact directly with a native speaker in the classroom, contributing to effective internationalization at home. The Japanese student also valued the chance to reevaluate their mother tongue and engage in a multicultural learning environment. To further improve the model's effectiveness, the study recommends detailed pre-lesson preparation and the design of balanced, two-way interactive activities for both Vietnamese and Japanese students.

Key words: Intercultural collaborative learning; Business Japanese course; intercultural communication; two-way interaction; internationalization at home.